



KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH/NHIỆM VỤ
KHCN, ĐMST & CDS NĂM 2026

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên nhiệm vụ	Hiện trạng (Có QĐ danh mục/kinh phí, danh mục dự kiến)	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí đã phê duyệt thực hiện nhiệm vụ							Đơn vị chủ trì
				Tổng số	Nguồn NSNN			Nguồn khác			
					Tổng số	Đã bố trí đến hết năm 2025	Dự toán năm 2026	Số còn lại	Số đã thực hiện năm trước	Dự kiến thực hiện trong năm 2026	
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4-5-6	8	9	10
	Tổng cộng										
	Nhiệm vụ mở mới năm 2026 ¹										
a	Nhiệm vụ KHCN	0	2026			0	50.000	0	0	50.000	UBND xã
1	Triển khai mô hình ứng dụng KH &CN nhỏ tại xã như IoT trong nước tưới						30.000			30.000	
2	Hỗ trợ tem QR truy suất nguồn gốc						20.000			20.000	
b	Nhiệm vụ ĐMST	0	2026			0	75.000	0	0	75.000	UBND xã
1	Hỗ trợ hợp tác xã và hộ kinh doanh áp dụng thương mại điện tử						50.000			50.000	
2	Hỗ trợ tập huấn thương mại điện tử cho nông dân						25.000			25.000	
c	Nhiệm vụ CDS	0	2026			0	76.000	0	0	76.000	UBND xã
1	Bản quyền phần mềm diệt vi rút						16.000			16.000	
2	Tham gia tập huấn khả năng sử dụng phần mềm quản lý, chữ ký số, bảo mật thông tin						60.000			60.000	
d	Nhiệm vụ triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW	0	2026			0	1.560.000	0	0	1.560.000	UBND xã

¹ Bao gồm các nhiệm vụ KHCN, ĐMST và CDS sử dụng kinh phí sự nghiệp KHCN và các nhiệm vụ bản chất là nhiệm vụ KHCN, ĐMST và CDS sử dụng kinh phí các lĩnh vực khác

1	Nhiệm vụ KHCN	0	2026			0	30.000	0	0	30.000	UBND xã
	Mua tài khoản AI cho cán bộ, công chức khai thác dùng chung						30.000			30.000	
2	Nhiệm vụ ĐMST	0	2026			0	70.000	0	0	70.000	UBND xã
	Chi hoạt động của Hội đồng sáng kiến						40.000			40.000	
	Đề tài sáng kiến khoa học, đổi mới sáng tạo						30.000			30.000	
3	Nhiệm vụ CDS:	0	2026			0	830.000	0	0	830.000	UBND xã
	- Chi hoạt động cho Tổ công nghệ số cộng đồng xã và thôn						60.000			60.000	
	- Đảm bảo an toàn thông tin mạng cho cấp xã						70.000			70.000	
	- Hướng ứng tuần lễ Chuyển đổi số trên địa bàn xã						30.000			30.000	
	- Tập huấn nâng cao kỹ năng số						20.000			20.000	
	- Thiết bị máy tính phục vụ phòng họp không giấy						200.000			200.000	
	- Trang thiết bị tường lửa cho hệ thống thông tin của xã						150.000			150.000	
	- Duy trì hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công						50.000			50.000	
	- Mua sắm tài sản, thiết bị phục vụ công tác chuyển đổi số (máy in, máy vi tính, ổ cứng,						100.000			100.000	
	- Tổ chức tuyên truyền chuyển đổi số						10.000			10.000	
	- Cước phí mạng Internet						100.000			100.000	
	- Bảo trì và bảo mật hệ thống						20.000			20.000	
	- Một số nhiệm vụ khác trong năm 2026						20.000			20.000	



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phụ lục 3
Biểu 3-6

DỰ TOÁN KINH PHÍ KHCN, ĐMST & CDS NĂM 2026

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	NỘI DUNG	KINH PHÍ KHCN THỰC HIỆN NĂM 2025	DỰ TOÁN KINH PHÍ KHCN NĂM 2026 ²
A	B	(1)	(2)
	Kinh phí KHCN, ĐMST & CDS (I+II)	(Tổng số)	(Tổng số)
I.	Chi thường xuyên	0	2.441.000
1	Kinh phí nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia chuyển tiếp cấp về địa phương quản lý (chi tiết theo từng nhiệm vụ)		
2	Chi nhiệm vụ KH&CN (tổng hợp từ Biểu 3-2)		201.000
a	Nhiệm vụ KHCN		50.000
b	Nhiệm vụ ĐMST		75.000
c	Nhiệm vụ CDS		76.000
3	Chi hỗ trợ lương + hoạt động bộ máy		120.000
4	Chi hoạt động KH&CN phục vụ quản lý nhà nước		110.000
	Tuyên truyền		50.000
	Đào tạo, tập huấn		60.000
5	Công tác duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất - kỹ thuật và trang thiết bị phục vụ hoạt động KH&CN		430.000
6	Chi khác		20.000
7	Nhiệm vụ triển khai theo Nghị quyết số 57-NQ/TW (tổng hợp từ Biểu 3-2)		1.560.000

² Bao gồm các nhiệm vụ KHCN, ĐMST và CDS sử dụng kinh phí sự nghiệp KHCN và các nhiệm vụ bản chất là nhiệm vụ KHCN, ĐMST và CDS sử dụng kinh phí các lĩnh vực khác